

## Nâng cao chất lượng dạy và học các môn chuyên ngành ngôn ngữ Trung Quốc từ hướng tiếp cận phương thức học tập kết hợp

### Improve the quality of teaching and learning Chinese language majors: The blended learning approach

Trương Vũ Quyên<sup>1\*</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

\*Tác giả liên hệ, Email: quyen.tv@ou.edu.vn

#### THÔNG TIN

DOI:10.46223/HCMCOUJS.  
soci.vi.17.2.2296.2022

Ngày nhận: 15/05/2022

Ngày nhận lại: 14/10/2022

Duyệt đăng: 21/10/2022

#### TÓM TẮT

Sau đại dịch Covid-19, một lần nữa điều kiện khách quan đã tác động đến công việc đào tạo và buộc chúng ta không thể không nhìn nhận sự cần thiết thay đổi về phương pháp giảng dạy và hình thức giảng dạy để không ngừng nâng cao chất lượng học tập của người học cũng như giảng dạy của giảng viên. Phương thức học tập kết hợp được nhắc đến nhiều trong thời gian gần đây, tuy nhiên việc ứng dụng phương pháp này trong đào tạo ngành Ngôn Ngữ Trung Quốc (NNTQ) tại trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh vẫn chưa thực hiện bài bản. Bài viết mong muốn thông qua việc tìm hiểu các ưu thế trong các hình thức giảng dạy của phương thức học tập kết hợp (blended), kết hợp mô tả thực trạng dạy và học, đặc thù các môn chuyên ngành ngành NNTQ hiện nay, nhằm đề xuất một số giải pháp ứng dụng để nâng cao chất lượng dạy và học các môn chuyên ngành ngành NNTQ.

*Từ khóa:*

dạy và học; môn chuyên ngành; ngành ngôn ngữ Trung Quốc; phương thức giảng dạy kết hợp

#### ABSTRACT

After the Covid-19 pandemic, once again real life has forced us to recognize the need to change teaching methods in order to continuously improve our training, and improve the learning quality of students teaching staff. Blended learning methods have been mentioned a lot in recent times, but the application in the training of Chinese at Ho Chi Minh City Open University has not yet been properly implemented. The article wishes to explore and compare the advantages of the teaching forms of the blended learning method, combined with the analysis of the current situation of teaching and learning, especially the specialized subjects in Chinese. Currently, in order to provide application solutions to improve the quality of teaching and learning specialized subjects in Chinese.

*Keywords:*

teaching and learning; specialized subjects; Chinese; the Blended learning

#### 1. Đặt vấn đề

Theo Công văn số 2196/BGDĐT-GDDH ngày 22/4/2010 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2010) về việc chỉ đạo các cơ sở giáo dục đại học xây dựng chuẩn đầu ra đối với các ngành đào tạo của mỗi cơ sở giáo dục, cùng với việc quán triệt thực hiện chỉ đạo của Bộ, các trường đã từng bước xây dựng Chương Trình Đào Tạo (CTĐT) gắn với chuẩn đầu ra nhằm đo lường được các kiến thức, kỹ năng, thái độ, trách nhiệm nghề nghiệp mà người học đạt được sau

khi hoàn thành chương trình đào tạo, được cơ sở đào tạo cam kết với người học, xã hội và công bố công khai cùng với các điều kiện đảm bảo thực hiện (Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015) (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2015); cùng với việc thực hiện Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật GDĐH, ngày 22/6/2021, Bộ GDĐT ban hành Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2021) Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học. Có thể nói, công tác rà soát, điều chỉnh CTĐT tiếp cận chuẩn đầu ra cho người học luôn được thực hiện xuyên suốt và được các trường tuân thủ hết sức nghiêm ngặt, tuy nhiên việc rà soát và điều chỉnh nội dung chương trình ít nhiều tác động đến khối lượng chương trình theo học chế tín chỉ như hiện nay.

Liên tiếp trong 02 - 03 năm trở lại đây, dưới tác động tiêu cực của đại dịch Covid-19, các hoạt động đời sống xã hội và việc học tập đã bị ảnh hưởng sâu rộng, một lần nữa buộc chúng ta phải xem xét lại phương thức đào tạo để vừa đảm bảo được nhiệm vụ của giáo dục đào tạo mà vẫn đảm bảo được chất lượng đào tạo, nhất là ở giáo dục đại học.

Trong bối cảnh đó, phương thức học tập kết hợp (Blended learning) được nhắc đến khá nhiều những năm gần đây, theo Lim và Wang (2017, tr. 1) “Học tập kết hợp là sự kết hợp có chủ ý của trực tuyến (không đồng bộ và/hoặc đồng bộ) và tiếp xúc trực tiếp thời gian giữa giảng viên và sinh viên và/hoặc giữa sinh viên trong một khóa học, đã được thúc đẩy và khuyến khích ở một số trường đại học ngày càng tăng” (Graham, Woodfield, & Harrison, 2013, tr. 4-14). Học tập kết hợp giúp cho các trường đại học cơ hội để đạt được những kết quả nói trên và các kết quả học tập khác cần thiết để đáp ứng nhu cầu hiện đại trong một nền kinh tế toàn cầu hóa và thế giới định hướng công nghệ.

Để tìm hiểu rõ hơn về phương thức học tập này, cũng như thông qua các thành quả mà phương thức học tập này đem lại, chúng tôi đề xuất một số giải pháp cho công tác đào tạo các môn học thuộc khối kiến thức chuyên ngành như môn Dịch thương mại, dịch du lịch, Luật sử văn học Trung Quốc, ... vốn có khối lượng kiến thức khá lớn trong CTĐT Ngôn ngữ Trung Quốc nhằm để nâng cao hơn chất lượng đào tạo tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

## **2. Mô hình Blended Learning**

Phương thức học tập kết hợp bắt nguồn từ học tập trực tuyến, phương thức này vốn được các trường tiểu học tại Mỹ áp dụng từ những năm 2000 như là một giải pháp cho những người không có điều kiện học tập trung. Nhưng ở thời điểm đó, việc học trực tuyến hoàn toàn không thể thu hút được người học do các điều kiện khách quan lẫn chủ quan. Theo Horn và Staker (2017), thống kê tại Mỹ cho đến năm 2019, có đến 50% các lớp học trung học phổ thông có áp dụng phương thức học tập kết hợp này và dự kiến số lượng sẽ không ngừng tăng lên.

Để hiểu đúng phương thức học tập kết hợp là như thế nào, nó có thay thế được hình thức đào tạo online giống như chúng ta thường nghĩ hay không, chúng ta cần tìm hiểu từ định nghĩa này.

### **2.1. Khái niệm về Blended**

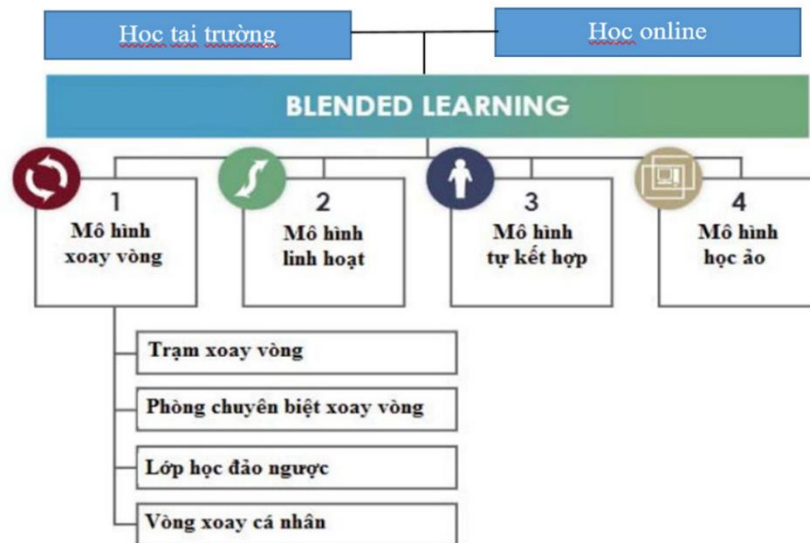
Trong sách “Blended - Using disruptive innovation to improve schools”, Horn và Staker (2017) đã đưa ra định nghĩa với 03 ý như sau:

- Phương thức học tập kết hợp nằm trong nội dung giáo dục chính quy, quá trình học tập của người học có ít nhất một phần thông qua hình thức trực tuyến, trong thời gian học trực tuyến người học có thể tự kiểm soát thời gian, địa điểm, cách thức hoặc tiến độ.

- Hoạt động học tập của người học có ít nhất một phần được tiến hành ngoài gia đình và được giám sát bởi nơi thực hiện.

- Cách thức học tập cần liên quan với trải nghiệm học tập thống nhất môn học nào đó.

Theo Alvarez (2005, tr. 3) đã định nghĩa, Blended learning là: “Sự kết hợp của các phương tiện truyền thông trong đào tạo như công nghệ, các hoạt động và các loại sự kiện nhằm tạo ra một chương trình đào tạo tối ưu cho một đối tượng cụ thể”. Tác giả Tinio (2003, tr. 4) cho rằng “Học tích hợp (Blended Learning) để chỉ các mô hình học kết hợp giữa hình thức lớp học truyền thống và các giải pháp e-learning”. Theo Kim và Bonk (2006, tr. 22-30), Blended learning là: Kết hợp các phương thức giảng dạy (hoặc cung cấp các phương tiện truyền thông); Kết hợp các phương pháp giảng dạy; Kết hợp học tập trực tuyến và dạy học truyền thống.



**Hình 1.** Mô hình Blended learning

Nguồn: VNIES (n.d.)

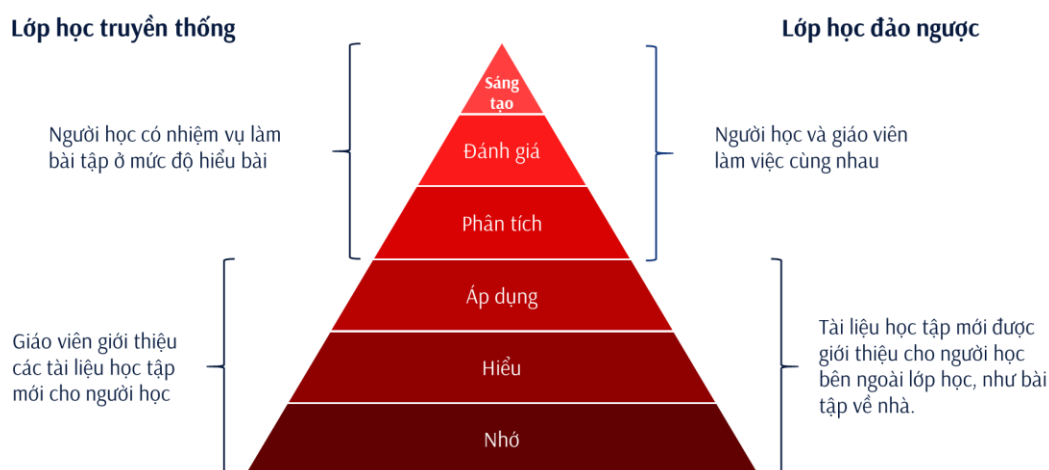
Từ định nghĩa trên, chúng ta có thể hiểu Blended learning là việc kết hợp phương thức học tập điện tử (trực tuyến) với phương thức dạy - học truyền thống (theo đó người dạy và người học cùng có mặt) nhằm nâng cao hiệu quả công tác đào tạo và chất lượng giáo dục. Chúng ta không khó nhận ra rằng, việc áp dụng phương thức học tập kết hợp cần phải xuất phát từ yêu cầu nội dung học tập hoặc nói chính xác hơn là nằm trong tổng thể CTĐT của cơ sở đào tạo; người học sẽ dựa vào nội dung yêu cầu để tự mình lên kế hoạch học tập một cách linh hoạt nhằm đạt được yêu cầu của môn học; và quan trọng hơn hoạt động tự học này được thực hiện dưới sự giám sát của cơ sở đào tạo và phải gắn kết với hoạt động trải nghiệm của môn học đó. Như vậy đã rõ, việc thực hiện phương thức học tập kết hợp nói chính xác hơn đó là một phương pháp dạy học được áp dụng nhằm để tăng tính tự chủ của người học, tự lên thời gian biểu học tập, lựa chọn các nội dung học tập phù hợp và có thể thực hiện ở bất kỳ nơi nào, đây cũng là việc cụ thể hóa mục tiêu lấy người học làm trung tâm trong hoạt động dạy học.

Trong mô hình Blended learning, có thể nhận thấy rằng mô hình xoay vòng được ứng dụng nhiều nhất do tính linh hoạt và dễ thực hiện so với các mô hình linh hoạt, mô hình tự kết hợp và mô hình học ảo. Đối với môn học vừa có tính lý thuyết và tính thực hành, việc thiết kế modul môn học có thể xen kẽ các nội dung mà người học có thể tự học, tự nghiên cứu kết hợp với tiến độ giảng dạy tại trường của Giảng Viên (GV) và có ít nhất một modul được thực hiện theo hình thức online. Để thực hiện được hoạt động xoay vòng này, GV cần phải dựa vào nội dung môn học và các chuẩn đầu ra của môn học để thiết kế các modul cho hợp lý. Trạm xoay vòng (station rotation) được hiểu như là hoạt động được thực hiện trong 01 lớp hoặc nhiều lớp học tùy theo nội dung thiết

kể nhằm hỗ trợ học tập theo nhóm hoặc cá nhân. Phòng chuyên biệt xoay vòng được hiểu như là các phòng máy được thiết kế tại cơ sở đào tạo, tùy theo yêu cầu nội dung môn học mà người học sẽ thực hiện việc học online tại phòng máy, người học sẽ thực hiện các hoạt động học tập dưới sự hướng dẫn của GV. Xoay vòng cá nhân được hiểu nôm na là tự mình lựa chọn phương thức học tập phù hợp với cá nhân mình dưới điều kiện nguồn lực sẵn có. Trong các mô hình trên, lớp học đảo ngược (Flipped learning) được đề cập đến nhiều nhất trong hoạt động dạy học.

## 2.2. Lớp học đảo ngược (Flipped learning)

Có thể nói lớp học đảo ngược đã hoàn toàn thay đổi các bước lên lớp của một lớp học truyền thống, người học có thể hoàn tất các nội dung học tập của môn học trên lớp ngoài lớp học, ngoài giờ học theo hình thức tự học online. Thời gian thực học tại lớp sẽ được GV thiết kế các hoạt động tương ứng với nội dung bài học/môn học nhằm hỗ trợ cá nhân hoặc nhóm. Có thể nói, đây là hình thức dạy học yêu cầu người học phải chủ động và quyền kiểm soát hoạt động học tập hoàn toàn do người học quyết định. Theo Aladjem (1991, tr. 277-291): “Xét từ góc độ khoa học tri nhận, học tập là một quá trình nhằm biến tri thức từ trí nhớ ngắn hạn sang trí nhớ dài hạn, nghiên cứu cũng cho thấy rằng hiệu quả của việc chủ động học tập là tốt nhất”. Từ đó, có thể hiểu khái niệm về lớp học đảo ngược là người học trước khi đến lớp, sẽ căn cứ vào tình hình của mình mà hoàn tất các nội dung học tập tại lớp, để dành thời gian nâng cao kiến thức và kỹ năng dưới sự hướng dẫn và hỗ trợ của GV tại lớp.



**Hình 2.** Mô hình lớp học truyền thống và đảo ngược

Nguồn: Thinkingschool (n.d.)

Có thể khẳng định rằng, do các bước lên lớp của GV và người học đã được sắp xếp lại theo hướng lấy người học làm trung tâm, nên các hoạt động dạy - học trên lớp, đặc biệt là môn học được thiết kế theo chuẩn đầu ra sẽ đo lường mức độ của người học cần đạt được theo thang đánh giá năng lực của Bloom, nhất là năng lực phân tích, đánh giá và sáng tạo là mức độ cao nhất đã được chú trọng nhiều hơn. Tiếp đến là GV có thời gian để hỗ trợ cá nhân hoặc góp ý cho nhóm, cũng như thiết kế thêm các hoạt động tại lớp để tìm hiểu sâu thêm bài giảng, từ đó giúp người học chủ động tiếp cận nguồn tri thức, từng bước hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề cho người học.

## 3. Áp dụng phương thức học tập kết hợp vào các môn chuyên ngành trong CTĐT ngành NNTQ

Trong bài viết Jing (2012, tr. 8) trong bài “Suy nghĩ và ứng dụng thực tế phương thức học tập kết hợp trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Trung cho người nước ngoài” cũng đã thử kết hợp mô

hình giảng dạy kết hợp, phát triển khả năng tự học và khảo sát năng lực nghe hiểu của sinh viên, bài viết đã phân tích các kết quả khảo sát và phát hiện mô hình dạy học này mang lại nhiều hiệu quả trong việc phát huy khả năng tự học thông qua nhiệm vụ học tập; hay Yanqiu (2019, tr. 9) trong bài “Nghiên cứu ứng dụng phương thức học tập Blended trong việc dạy kỹ năng nghe”, đã nhận định tầm quan trọng của việc áp dụng mô hình Blended và các nội dung tự học trong việc luyện tập môn nghe hiểu để từ đó hình thành kỹ năng ngôn ngữ cho người học, qua đó tận dụng hình thức học tập kết hợp để giúp người học vượt qua các khó khăn và từng bước có hứng thú với môn học này; bài viết “Nghiên cứu giảng dạy tiếng Trung theo phương thức kết hợp “trực tuyến + trực tiếp” trong trường đại học” của tác giả Guilan (2020, tr. 10) cũng đã chỉ ra hiệu quả của việc tận dụng các phần mềm ứng dụng trong việc hướng người học nắm bắt thông tin, đặc biệt bài viết còn đưa ra các biện pháp trong quy trình xử lý và lan truyền dữ liệu cho người học, bên cạnh việc tuân thủ các nguyên tắc dạy học theo truyền thống, Yan (2022, tr. 11) trong bài “Đổi mới mô hình dạy học kết hợp trong phương pháp giảng dạy tiếng Trung cho người nước ngoài”, bài viết đã tận dụng ưu thế của “lớp học đám mây”, phân tích toàn diện các ưu thế của việc ứng dụng phương thức dạy học kết hợp trong việc giảng dạy tiếng Trung cho người nước ngoài, từ đó đề xuất các biện pháp dạy học để kích thích người học tham gia, phát huy tính tích cực chủ động của người học nhằm trải nghiệm quá trình học tập.

Theo định kỳ mỗi 02 năm một lần, CTĐT ngành NNTQ của khoa Ngoại ngữ Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh được tiến hành rà soát và sắp xếp lại các môn học cho phù hợp với tình hình đào tạo thực tế, theo hướng tinh giảm số tín chỉ để CTĐT được vận hành gọn nhẹ mà vẫn đảm bảo được chất lượng chuẩn đầu ra theo quy định. Với định hướng đào tạo chuyên ngành Biên phiên dịch: ở giai đoạn 02 năm đầu, Sinh viên (SV) được học các môn kỹ năng ngoại ngữ như Nghe - Nói - Đọc -Viết để hình thành kiến thức nền tảng về kỹ năng ngôn ngữ, nhưng khi vào giai đoạn chuyên ngành, vẫn còn một số SV kiến thức ngôn ngữ chưa vững và chưa hình thành kỹ năng ngôn ngữ vững chắc để sẵn sàng tiếp nhận các kiến thức và kỹ năng có liên quan đến lĩnh vực biên phiên dịch. Bên cạnh thực tế số tín chỉ các môn học đều được tinh giản đi theo học chế tín chỉ, việc chỉ nghe giảng và thực hành ở trên lớp chắc chắn sẽ bị giới hạn bởi thời lượng lên lớp, vậy nên giảng viên lồng ghép các kiến thức tự học, tự nghiên cứu trong bài giảng trực tuyến khi thiết kế nội dung môn học sẽ giải quyết được các vấn đề này. SV sẽ chuẩn bị bài kỹ hơn trước khi đến lớp bằng cách tra cứu, nghiên cứu các vấn đề, khi đến lớp sẽ trao đổi trực tiếp theo hình thức thảo luận nhóm hoặc đối thoại với giảng viên. Điều đó cho thấy, việc áp dụng mô hình lớp học đảo ngược cho ngành NNTQ là hoàn toàn khả thi nhằm nâng cao kỹ năng ngôn ngữ của người học. Vì ở giai đoạn chuyên ngành, SV phải áp dụng các kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ kết hợp với kiến thức chuyên ngành để nâng cao các kỹ năng dịch thuật như: đối dịch, dịch xen kẽ, dịch đuôi và dịch ca-bin, ... mà việc chuẩn bị bài học sẽ khá quan trọng để từng bước hình thành kỹ năng dịch thuật dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

Do đặc thù đào tạo chuyên ngành biên phiên dịch, SV được giới thiệu và yêu cầu tìm hiểu về kiến thức các lĩnh vực như du lịch, thương mại, báo chí truyền thông, ... trong phạm vi ngữ dụng khá rộng để không những có thể hiểu được ngữ cảnh của nội dung bài dịch, mà còn phải dịch chính xác các thuật ngữ chuyên ngành và ở mức độ dịch thuần thực.

Để tìm hiểu mức độ hài lòng của sinh viên sau khi kết thúc một số môn học chuyên ngành biên phiên dịch, chúng tôi đã tiến hành khảo sát ý kiến trong phạm vi lớp học đối với 56 sinh viên khóa 2018 và 61 sinh viên khóa 2019, khi được hỏi về mức độ khó khăn trong việc tìm hiểu các thuật ngữ chuyên ngành và tần suất sử dụng LMS, chúng tôi có được các số liệu như sau:

**Bảng 1**

Khảo sát ý kiến về mức độ khó khăn về việc tìm hiểu thuật ngữ chuyên ngành

Khóa/lớp	Dịch du lịch	Dịch thương mại	Dịch báo chí	Tần suất sử dụng LMS
Khóa 2018	78.5%	83.9	58.9	51.6%
SL	44 SV	47 SV	33 SV	
Khóa 2019	81.9%	91.8	70.4	43.2%
SL	50 SV	56 SV	43 SV	

Từ bảng số liệu có được như trên, chúng ta thấy tỉ lệ sinh viên gặp khó khăn trong việc nắm bắt và tiếp thu kiến thức các thuật ngữ chuyên ngành đều khá cao, từ đó cho thấy thực trạng sinh viên còn hạn chế trong việc nắm bắt kiến thức và áp dụng vào các bài tập tình huống là có thật, điều này cũng cho thấy việc mở rộng phạm vi đọc tài liệu bổ sung và tự học dưới sự hướng dẫn và gợi ý của giảng viên là cần thiết. Tuy nhiên, cũng qua bảng số liệu này, chúng ta thấy được tần suất sử dụng LMS - vốn là hệ thống có thể theo dõi mức độ chủ động học tập của SV không cao, khi trao đổi trực tiếp với SV, chúng tôi cũng nhận được câu trả lời tương tự là hệ thống ngoài bài giảng và bài tập được thể hiện trong đề cương, còn chưa thấy có các clip bài giảng bổ sung, các video hỗ trợ kiến thức, ... cho người học.

Trong môn Dịch du lịch, ở phần thuyết minh tuyến điểm tham quan di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh, nếu SV không am hiểu về nội dung cơ bản của nghiệp vụ du lịch, sẽ không vận dụng được các kỹ năng cơ bản trong quá trình thuyết minh để thu hút hơn du khách; hoặc như đề cập đến các thuật ngữ “inbound”, “outbound”, “du lịch văn hóa”, “du lịch nghỉ dưỡng”, “du lịch sinh thái”, ... nếu SV không hiểu được nội hàm của các thuật ngữ này thì sẽ chuyển dịch không chính xác trong văn bản đích, từ đó ảnh hưởng đến quá trình tác nghiệp trong thực tiễn sau này. Hoặc như trong môn Dịch thương mại, đây là môn học mà SV các khóa đều cho rằng rất khó do đặc thù của lĩnh vực này, môn học có liên quan đến các kiến thức về kinh tế vĩ mô và kinh tế vi mô, các hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, chưa kể đến công việc quản lý thường nhật của một doanh nghiệp, sinh viên cũng cần phải tìm hiểu trước để khi dịch mới hiểu được ngữ cảnh và dịch đúng được nội dung, các thuật ngữ trong lĩnh vực kinh tế - thương mại như “thương vụ M&A”, “gia công OEM”, “incoterm”, ... hay cụ thể hơn nữa là “dư nợ gốc”, “lãi ròng”, “lãi gộp”, ... nếu như người học không được giới thiệu và giải thích một cách bài bản kiến thức các thuật ngữ nêu trên, hẳn sẽ cho ra văn bản dịch thuật kém chất lượng.

Ngoài ra các môn thiên về kiến thức như Lược sử văn học Trung Quốc và Đất nước học, ... người học cũng cần đọc thêm các tài liệu có liên quan ngoài giờ lên lớp, để SV có thể chủ động tìm hiểu trước các nội dung cơ bản như thông tin về địa lý, địa chí, dân số và đặc trưng vùng miền, ... để khi tiến hành các hoạt động tại lớp học, cả GV và SV đều có thời gian để triển khai các hoạt động hiệu quả và thiết thực hơn, người học cũng vì chủ động tích cực hơn mà cảm thấy có hứng thú đối với những môn học được cho là khô khan và khó tiếp thu.

Để có thể nâng cao chất lượng dạy và học các môn chuyên ngành trong CTĐT ngành NNTQ, ngay từ năm nhất, GV đã phải tư vấn và hướng dẫn cho SV phương thức học tập kết hợp ở tất cả các môn học để SV hình thành ý thức chủ động học tập từ ban đầu. Qua đó, bộ môn và GV phải tiến hành rà soát lại các chuẩn đầu ra của môn học, từ đó lên kế hoạch thiết kế nội dung môn học theo phương thức học tập kết hợp, lựa chọn các bài giảng, kiến thức mà người học có thể tự học online (khái niệm, định nghĩa có gắn kết với tình huống thực tế); Viết kịch bản và ghi hình hoặc tìm kiếm các nguồn tài nguyên có liên quan trên Internet nhưng phải xác thực với nội dung

môn học và quan trọng nhất là cần phải tổ chức lại hoạt động lớp học theo hướng lấy người học làm trung tâm (thảo luận nhóm, thuyết trình, GV góp ý) hoặc dạy học theo dự án. Theo Jinming (2019, tr. 12) thành quả nghiên cứu của ngôn ngữ học tiếng Trung có thể được tiếp nhận và tận dụng bởi dạy học đa phương tiện, nhưng việc ứng dụng kỹ thuật đa phương tiện cũng cần phải tuân thủ quy luật giảng dạy ngôn ngữ học. Có như vậy, việc vận dụng công nghệ vào dạy học mới mang lại hiệu quả và công tác đào tạo theo hướng tiếp cận chuẩn đầu ra trong CTĐT mới phát huy được hiệu quả và đi vào thực chất.

#### 4. Kết luận

Có thể thấy được rằng xu hướng thay đổi trong giáo dục, đặc biệt là trong giáo dục đại học là điều không thể tránh khỏi. Đặc biệt là trong một thế giới với thông tin đang tăng theo cấp số nhân từng phút từng giờ như ngày nay, việc tận dụng phương thức học tập kết hợp chắc chắn sẽ giải quyết được nhiều vấn đề trong dạy học, như giúp người học chủ động tiếp cận nguồn thông tin, biết cách sàng lọc các thông tin bổ ích để biến thành kiến thức và kỹ năng học tập, quan trọng hơn nữa là phát huy tính chủ động và thói quen tự học của người học. Để làm được việc này, phải bắt đầu thay đổi từ tư duy và nhận thức của người thầy và trò trong hoạt động dạy - học, và trong bối cảnh đó, việc vận dụng các phương pháp giảng dạy hiện đại trong đó có phương thức học tập kết hợp được lựa chọn như là một giải pháp đề đổi mới hoạt động này.

#### Tài liệu tham khảo

- Aladjem, T. K. (1991). The philosopher's prism: Foucault, feminism, and critique. *Political Theory*, 19(2), 277-291.
- Alvarez, S. (2005). Blended learning solutions. In B. Hoffman (Ed.), *Encyclopedia of educational technology*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2010). *Công văn số 2196/BGDĐT-GDDH ngày 22/04/2010 về Hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo [Official Dispatch No. 2196/BGDĐT-GDDH dated April 22, 2010 guiding the development and publication of training output standards]*. Truy cập ngày 10/11/2021 tại <https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/tag?keyword=C%3b4ng%20v%4%83n%202196/BGD%4%90T-GD%4%90H>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2015). *Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/04/2015 về Ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ [Circular No. 07/2015/TT-BGDDT dated April 16, 2015 on promulgating regulations on the minimum amount of knowledge, requirements on competencies that learners can achieve after graduation for each training level of higher education and the process of developing, appraising and promulgating training programs at undergraduate, master's and doctoral levels]*. Truy cập ngày 10/11/2021 tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-07-2015-TT-BGDDT-quy-trinh-xay-dung-chuong-trinh-dao-tao-trinh-do-dai-hoc-thac-si-tien-si-271929.aspx>
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/06/2021 về Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học [Circular No. 17/2021/TT-BGDDT dated June 22, 2021 on Regulations on standards of training programs; formulating, evaluating and promulgating training programs at all levels of higher education]*. Truy cập ngày 10/11/2021 tại

<https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Thong-tu-17-2021-TT-BGDDT-chuan-chuong-trinh-dao-tao-cac-trinh-do-giao-duc-dai-hoc-450547.aspx>

- Fenghua, N. (2021). *Blended learning - Using disruptive innovation to improve schools* (Vol.1). Beijing, China: Machinery Industry Press.
- Graham, C. R., Woodfield, W., & Harrison, J. B. (2013). A framework for institutional adoption and implementation of blended learning in higher education. *The Internet and Higher Education*, 18, 4-14.
- Guilan, C. (2020). Research on “Online + offline” blended learning in TCFL in Colleges. *Changchun: Journal of Changchun University*, 30(10), 3-15.
- Horn, M. B., & Staker, H. (2017). *Blended: Using disruptive innovation to improve schools*. Hoboken, NJ: John Wiley & Sons.
- Jing, G. (2012). *Blended learning in Chinese foreign language teaching: Application and reflection lidilem*. France: Stendhal University.
- Jinming, Z. (2019). *Introduction to teaching Chinese as a foreign language*. Beijing, China: Commercial Press Publishing.
- Joyce, B. (2008). *Models of teaching* (9th ed.). India: Pearson Press.
- Kim, K. J., & Bonk, C. J. (2006). The future of online teaching and learning in higher education. *Educause Quarterly*, 29(4), 22-30.
- Lambert, C. (2012). *Twilight of the lecture*. Cambridge, MA: Harvard Magazine.
- Lim, C. P., & Wang, L. (2017). *Blended learning for quality higher education: Selected case studies on implementation from Asia-pacific*. Thailand: Scientific and Cultural Organization.
- Slavin, R. E. (2013). *Educational psychology: Theory and practice*. London, UK: Pearson Press.
- Thinkingschool. (n.d.). Truy cập ngày 10/11/2021 tại <https://thinkingschool.vn/ky-nang-giang-day-online/flipped-classroom-lop-hoc-dao-nguoc/>
- Tinio, V. L. (2003). *ICT in education*. New York, NY: ICT for Development United Nations Development Programme Bureau for Development Policy.
- VNIES. (n.d.). Truy cập ngày 10/11/2021 tại <http://vnies.edu.vn/tin-tuc/thong-tin-tap-chi/18146/mo-hinh-hoc-tap-ket-hop-trong-giao-duc-dai-hoc>
- Yan, X. (2022). *The reform of blended teaching mode in teaching Chinese as a foreign language*. Beijing, China: Literary Education semi-monthly Journal.
- Yanqiu, Q. (2019). Research on the application of blended learning in TCFL listening. *Journal of Jiangxi Electric Power Vocational and Technical College*, 32(2), 41-45. doi:10.3969/j.issn.1673-0097.2019.02.019

